

Phạm xuân Hy

Hòai Nam Tử

Nghi án về cái chết của Lưu An

Sách « Hòai Nam Tử 淮南子 » cũng còn gọi là « Hòai Nam Hồng Liệt 淮南鸿烈 », là tên của một cuốn cổ thư của Trung Hoa, được viết vào khoảng đầu thế kỷ thứ hai trước Công Nguyên, là một kiệt tác, được các nhà nghiên cứu cho là tổng hợp và chỉnh lý những tư tưởng của bách gia thời Tiên Tần, đồng thời sách cũng bảo lưu được nhiều thông tin lịch sử giá trị thời Tần Hán.

Có người cho là sách « Hòai Nam Tử » do Hòai Nam Vương Lưu An trứ tác, và cái chết của Lưu An có liên can đến sách này. Điều đó có đúng không ?

Trước hết, chúng tôi xin phép tìm hiểu ý nghĩa của mấy chữ Hòai Nam Tử.

A-Về chữ « tử 子 »

Chữ « tử 子 » theo giáp cốt văn là một chữ thuộc loại tượng hình, vẽ một đứa hài nhi thân thể, hai chân, được bọc trong tã, đầu tóc và hai tay thò ra ngoài, nên chữ tử có nghĩa gốc là ấu nhi, sau dẫn thân đến các nghĩa là : con cái, hạt giống, trứng chim chóc, và khi đọc là tý thì có nghĩa là chi đầu của 12 địa chi. Vì ấu nhi trí óc không có tạp niệm, nên các bậc hiền triết, thánh nhân được kính trọng tôn xưng là « tử » như Lão Tử, Khổng Tử, Chu Tử, Trang Tử, Mạnh Tử, Tuân Tử...

Chữ " tử 子 " có đến hơn bốn chục nghĩa khác nhau.

Nhưng trong bài này chúng tôi chỉ xin trích ra đây hai nghĩa:

1- Chữ tử 子 dùng để chỉ người viết sách lập thuyết, đại biểu một lưu phái riêng như Khổng Tử, Lão Tử, Mạnh Tử, Tăng Tử, Tuân Tử, ở thời Tiên Tần.

2- Cổ xưa người Trung Hoa chia sách vở ra làm bốn loại là « Kinh 經, Sử 史, Tử 子, Tập 集 ».

Các sách có chữ tử 子 thuộc loại thứ ba, và được gọi là « tử thư 子書 », như sách Lão Tử, sách Hàn Phi Tử, sách Tuân Tử, sách Mạnh Tử, sách Trang Trang Tử...

Và Hòai Nam Tử là tên sách được xếp vào loại thứ ba này, tức là loại « tử thư 子書 ».

Thật vậy, “Tùy Thư-Kinh tịch chí” đã chia phần cổ tịch của Trung Quốc ra làm bốn bộ phận như sau:

1-**Kinh bộ 經部**, chỉ những sách về các học thuyết của Nho gia. Mới đầu kinh thư của nhà nho có 5 bộ, tức : Thi, Thư, Dịch, Lễ, và Xuân Thu, được gọi là “Ngũ kinh”. Từ nhà Đường đến nhà Tống hình thành “Thập Tam kinh”, tức Dịch, Thư, Thi, Chu lễ, Nghi lễ, Lễ ký, Tả truyện, Công Dương truyện, Cốc Lương truyện, Hiếu Kinh, Luận ngữ, Nhĩ nhã, Mạnh tử.

2-**Sử bộ 史部**, chỉ những sách về lịch sử, ghi chép các sự hưng suy, trị loạn của các triều đại, cùng những nhân vật, và những quá trình biến đổi.

3-**Tử bộ 子部**, chỉ những sách của mỗi danh gia thời Xuân Thu Chiến Quốc, viết về triết học, danh học, pháp học, y học, toán học, binh học, thiên văn học, nông học. Đạo giáo, Lý học đời Tống và đời Minh, và khảo cứu học đời Thanh cũng được qui nhập Tử bộ.

4-**Tập bộ 集部**. Phạm những tuyển tập và những trứ tác bình luận văn học của các tác gia liên quan đến các loại văn thể như biên văn, tản văn, thi, từ, khúc, đều qui nhập vào tập

bộ. Sách của một người gọi là Biệt tập, của nhiều người viết gọi là Tổng tập, liên quan đến thơ thì gọi là thi tập

B-Về chữ "Hoài Nam".

1-Tên một nước.

Hoài Nam là tên một chư hầu quốc, do Hán Cao Tổ đặt ra, nay thuộc khu vực các tỉnh Giang Tô, An Huy đến phía nam sông Hoài Hà.

Năm 203 t CN Hán Cao Tổ phong vùng đất này cho Anh Bố làm Hoài Nam Vương. Anh Bố trước đó theo Tần Thủy Hoàng và được Tần Thủy Hoàng phong làm Cửu Giang Vương, sau theo Lưu Bang đổi là Hoài Nam Vương.

Năm 196 t CN, Anh Bố cử binh chống lại Hán, giết Kinh Vương Lưu Gia, đánh đuổi Sở Vương Lưu Giao, Hán Cao Tổ phải đem quân bình định và phong đất Hoài Nam cho con là Lưu Trường làm Hoài Nam Vương.

Năm 174 t CN đời Hán Văn Đế, Lưu Trường cầu kết với Mãn Việt và Hung Nô làm phản bị Văn Đế phế làm thứ dân, chết trên đường đi đây.

Năm 164 t CN, Hán Văn Đế lấy đất này chia làm ba phần, phong cho ba người con của Lưu Trường, là Hoài Nam Vương, Hành Sơn Vương, và Lưu Giang Vương. Con trưởng Lưu Trường là Lưu An được tập tước cha gọi là Hoài Nam Vương.

Năm 122 t CN, Lưu An khởi binh phản loạn, thất bại cắt cổ tự tử, nước Hoài Nam bị mất, và bị Hán Võ Đế đổi thành Quận Cửu Giang.

2-Tên một quận.

-Thời Tam Quốc nhà Ngụy đổi thành một nước, sau lại đổi thành quận.

-Thời Đông Tấn dời quận Hoài Nam ở Đan Dương đến huyện Vu Hồ (nay thuộc phía nam Đan Đồ huyện tỉnh An Huy).

-Nhà Tùy phế bỏ.

3-Tên một đạo.

Nhà Đường, Hoài Nam trở thành tên một trong mười 15 đạo của nhà Đường, trị sở của đạo Hoài Nam ở Dương Châu (nay thuộc tỉnh Giang Tô), sau lại đổi thành trấn.

4-Tên một lộ.

Nhà Tống có 15 lộ, trong đó có lộ Hoài Nam, trị sở ở Dương Châu. Đến năm Hy Ninh, nhà Tống chia Hoài Nam thành hai lộ, là Hoài Nam Đông Lộ, gọi tắt là Hoài Đông, trị sở tại Dương Châu, và Hoài Nam Tây Lộ gọi là Hoài Tây, trị sở tại Thọ Xuân.

Tóm lại, Hoài Nam vốn là tên gọi của vùng đất, rồi do Hán Vương Lưu Bang phong đất này cho Anh Bố vào năm 203 trước Công Nguyên, nên trở thành tước danh, vì thế trong Sử Ký mới gọi Anh Bố là Hoài Nam Vương Anh Bố.

Người viết cũng xin mạo muội mua vui rộng dài đôi chút về lịch sử liên hệ đến việc phong vương của nhà Hán.

1-Việc phong vương cho người khác họ.

Sau khi diệt lục quốc, thống nhất Trung Quốc, Tần Thủy Hoàng bãi bỏ phân phong chế, thực hành quận huyện chế, để tăng cường trung ương tập quyền. Sau khi nhà Tần bị diệt vong, Hạng Vũ chiếm chín quận ở Lương, Sở tự lập làm Tây Sở Bá Vương, đồng thời lấy danh nghĩa của vua Sở Nghĩa Đế đem vùng đất của các quận, huyện còn lại phân thành 18 vương quốc, phong cho các hàng tướng của nhà Tần, cùng quý tộc của lục quốc ngày trước, và các tướng lãnh có công. Như vậy, trên hình thức, Hạng Vũ khôi phục lại chế độ phong kiến.

Trong cuộc chiến tranh với Hạng Vũ, nhằm mục đích tranh thủ thắng lợi, Lưu Bang cũng phong đất cho các tướng lãnh của mình. Người có công lớn thì phong « vương », đất được phong gọi là « vương quốc », người có công nhỏ thì phong hầu, đất được phong gọi là « hầu quốc »

Cho đến năm 202 t CN, khi nhà Hán kiến lập, trước sau Lưu Bang đã phong tước vương cho bảy người công thần khác họ có công giúp Lưu Bang chiến đấu chống Hạng Vũ.

Tên các phong quốc liệt kê trong bảng dưới đây:

<i>Quốc danh</i>	<i>Vương danh</i>	<i>Vương đô</i>	<i>Phong vực</i>	<i>Năm phong</i>
Yên 燕	Tàng Trà	Kế	<i>Quảng Dương</i> <i>Thượng Cốc,</i> <i>Ngư Dương,</i> <i>Bắc Bình,</i> <i>Liêu Tây,</i> <i>Liêu Đông</i>	Năm 202 t CN bị Quan Anh thay thế
Hàn 韓	Hàn Vương Tín	Dương Địch	<i>Dĩnh Xuyên</i>	205 t CN
Triệu 趙	Trương Nhĩ (Chết năm 202 t CN)	Tương Quốc	<i>Hàm Đan</i> <i>Cự Lộc</i> <i>Thường Sơn</i>	203 t CN
Sở 楚	Hàn Tín (bị giết năm 197 Tcn)	Hạ Bì	<i>Đông Hải,</i> <i>Tiết Quận,</i> <i>Cối Khê,</i> <i>Tử Thủy ,</i> <i>Trần Quận</i>	203 t CN
Hoài Nam 淮南	Anh Bó (Sau Bó nghe lời con của Ngô Nhuế, chạy xuông Nam Việt, và bị người Phiên Dương giết năm 196 t CN)		<i>Cửu Giang,</i> <i>Hành Sơn,</i> <i>Lư Giang,</i> <i>Dự Chương</i>	203 t CN
Lương 梁	Bành Việt (bị giết 196 t CN)	Định Đào	<i>Đãng Quận</i>	202 t CN
Trường Sa 長沙	Ngô Nhuế (chết năm 202 CN, con là Ngô Thân lên cai trị nước)	Lâm Tương	<i>Trường Sa</i> <i>Vũ Lăng</i>	202 CN

2-Việc phong vương cho người cùng họ.

Việc Lưu Bang phong vương cho người khác họ như trên đây, là do tình thế thúc bách, nên kể từ sau khi lên ngôi được 1 năm, đến năm thứ hai, tức năm 201 t CN, Lưu Bang bèn tìm cách nhanh chóng thanh trừ những chư hầu vương khác họ, và thế chỉ phong vương cho các người cùng họ, để dùng làm bình phong cho mình nhà Hán.

Cho đến năm 196 t CN, Lưu Bang đã kiến lập 9 vương quốc cùng họ Lưu, chỉ còn sót lại có một vương quốc khác họ là Trường Sa Vương Ngô Nhuế.

Nhuế vốn là huyện lệnh Phan Dương của nhà Tần, nên gọi là Phan Quân, nhờ có công theo Lưu Bang được phong chư hầu vương, lãnh các quận Trường Sa, Dự Chương, Tượng Quận, Quế Lâm, Nam Hải.

Nhưng trong 5 quận phong cho Nhuế, thì ba quận, tức Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận, là đất thuộc nước Nam Việt của Triệu Đà, do Đà chiếm cứ từ cuối đời nhà Tần, và “tự lập vi vương 王”, xưng là Nam Việt Võ Vương. (Trong khi Lưu Bang khởi binh nổi dậy ở Bái Huyện tháng 9-năm 209 t CN, chỉ dám xưng là Bái Công, tức huyện lệnh huyện Bái, và mãi đến năm 206 t CN, Lưu Bang mới được Hạng Võ chia đất phong làm Hán Vương. Và đến năm 202 t CN mới xưng đế lên ngôi Thiên tử.)

Nên đối với Ngô Nhuế, những đất được Lưu Bang phong chỉ “hữu danh vô thực 有名無實”, thế lực không có gì đáng đe dọa đối với vương triều nhà Hán so với 6 “chư hầu vương” là Tàng Trà, Hàn Vương Tín, Trương Nhĩ, Hàn Tín, Anh Bố, Bành Việt, đều đã bị Lưu Bang tiêu diệt rồi.

Ngoài ra, còn một lý do nữa để Trường Sa Vương Ngô Nhuế không bị Hán Cao Tổ tiêu diệt, theo một số sử gia Trung Quốc, lý do là vì nhà Hán cố ý coi đất ba quận Nam Hải, Quế Lâm, Tượng Quận đã là đất đai thuộc nhà Hán rồi.

Hán Cao Tổ Lưu Bang từng xuống chiếu lệnh là:

“Lấy các quận Trường Sa, Dự Chương, Tượng Quận, Quế Lâm, Nam Hải, phong cho Phan Quân Nhuế làm Trường Sa Vương-Nguyên văn chữ Hán: 以長沙豫章象郡桂林南海立番君芮為長沙王 – Dĩ Trường Sa, Dự Chương, Tượng Quận, Quế Lâm, Nam Hải lập Phan Quân Nhuế vi Trường Sa Vương”

Cương giới hai nước Nam Việt - Trường Sa bị Hán đặt nằm trong tình thế “khuyên nha tương nhập 犬牙相入”, tức thế cài răng lược.

Lúc bấy giờ bản đồ nhà Hán đại bộ phận là sở hữu của 9 vương quốc. Các quận do hoàng đế quản hạt chỉ có 15 quận.

Dưới đây là bảng liệt kê phong quốc của 9 chư hầu vương cùng họ Lưu với nhà vua:

Quốc danh	Vương danh	Vương đô	Phong vực	Năm phong
Sở 楚	Lưu Giao	Bành thành	Bành Thanh Đông Hải Tiết Quận	201 t CN
Tề 齊	Lưu Phi	Lâm Truy	Lâm Truy, Giao Đông, Giao Tây Tề Bắc Bác Dương Thành Dương, Lang Nha.	201 t CN
Triệu 趙	Lưu Như Ý	Hàm Đan	Hàm Đan, Ngụy Quận, Thường Sơn, Trung Sơn, Cự Lộc, Hà Gian, Thanh Hà.	198 t CN

Đại 代	Lưu Hằng	Tấn Dương	<i>Thái Nguyên, Nhạn Môn, Định Tương, Đại Quận.</i>	196 t CN
Lương 梁	Lưu Khôi	Định Đào	<i>Đãng Quận Đông Quận.</i>	196 t CN
Hoài Dương 淮陽	Lưu Hữu	Trần	<i>Trần Quận Nhữ Nam Đĩnh Xuyên.</i>	196 t CN
Hoài Nam 淮南	Lưu Trường	Thọ Xuân	<i>Cửu Giang, Hành Sơn, Lư Giang, Dư Chương</i>	196 t CN
Ngô 吳	Lưu Ty	Quảng Lăng	<i>Đông Dương, Ngô Quận, Chương Quận</i>	196 t CN
Yên 燕	Lưu Kiến	Kế	<i>Quảng Dương, Thượng Cốc, Ngư Dương, Hữu Bắc Bình, Liêu Tây, Liêu Đông.</i>	195 t CN

Những vương quốc trên đây, tuy bị tiết chế bởi hoàng đế, nhưng vẫn còn tương đối độc lập. Việc sắp đặt bách quan cũng giống như triều đình trung ương. Các chư hầu vương được nắm một số quyền lực tương đối lớn, trong đó hai quyền chủ yếu :

-Một là được tự quyền bổ nhiệm quan lại, trật nhị thiên thạch trở xuống.

-Hai là được quyền thu thuế của thần dân trong vương quốc của mình.

Thường thường đất đai của các vương quốc này là đất của một số quận, đất phong rộng lớn, hộ khẩu lại nhiều, thực lực hùng hậu, trên thực tế trở thành vương quốc độc lập có khả năng chống đối với chính quyền trung ương.

Tuy nhiên, bản chất của sự thực hành chế độ hành chính địa phương vào thời đầu nhà Hán như vậy vẫn còn là quận huyện chế. Nhưng vì sự tồn tại của vương quốc, nên “quận huyện chế” loại này tạo ra hai hệ thống hành chính song song :

-Một là các quận và các huyện của quận, trực thuộc hoàng đế gọi là Hán quận

-Hai là các chi quận cùng các huyện thuộc chi quận, trực thuộc vương quốc.

Trong bảng danh sách trên đây, chúng ta thấy rõ rằng Lưu Bang chỉ phong vương cho những người cùng họ Lưu, phù hợp với lời ông đã thề với quần thần :

Phi Lưu thị bất đắc vương chi-非劉氏不得王之-Không phải họ Lưu không được phong vương.

Nhưng cũng vào năm 196 t CN, Lưu Bang phải phái Lục Gia, một môn khách sành về ăn nói, mang ấn thao và con so bô đôi sang phong vương cho Triệu Đà, một người không phải họ Lưu, làm Nam Việt Vương, cũng lại là một việc trái với lời thề trên.

Người ta tự hỏi: Đà đã xưng danh hiệu là Nam Việt Vương rồi, tại sao Hán Cao Tổ lại cũng phong cho Đà danh xưng này nữa? Có gì khác nhau ?

Cái khác ở đây, chính là ý nghĩa của chữ “Vương 王” trong hai trường hợp “tự lập” và “được phong” (Xin coi phần chú thích chữ vương 王).

3-Quan hệ Hán và Nam Việt.

Ngoài ra, có sử gia cho rằng, việc phong vương cho Triệu Đà của Hán đế, là một tính toán khôn ngoan của Hán Cao Tổ, nhằm mục đích khéo léo thiết lập một quan hệ “ thần thuộc - vua tôi” giữa hai nước Hán và Nam Việt, cũng như muốn Đà phải tuân phục những ước thúc của nhà Hán, đồng thời sát nhập đất nước Nam Việt vào bản đồ nhà Hán mà không phải tốn mất một mũi tên, theo mong muốn đã đề ra từ trước.

Nhưng trên thực tế, sau hơn mấy chục năm chấp nhận “tước vương” của Hán Cao Tổ, tức nhận làm thần tử của nhà Hán, quan hệ “thần thuộc” giữa Hán và Nam Việt biểu hiện như thế nào ?

Triệu Đà vốn là người tài giỏi, có bản lĩnh ở cuối thời Tần mạt, chứ không phải tay “xoàng”.

Bề ngoài khi nghe Lục Gia vừa thuyết phục vừa có ý đe dọa, thì làm bộ dạng sợ hãi tuân lời, nhưng trong lòng thì không.

Đà còn cười và nói : “Ta lấy làm giận đã không được nổi dậy ở bên ấy, biết đâu chẳng hơn nhà Hán .”

Khiến cho Lục Gia phải ngồi im, tiu nghỉu.

Theo sử gia Tư Mã Thiên trong “Sử Ký-Nam Việt Liệt Truyện” còn thuật rằng :

“Đến thời Hiếu Cảnh Đế, Đà vẫn xưng thần cho người vào châu, nhưng ở trong nước Nam Việt vẫn lên dùng danh hiệu “đế 帝” như cũ, còn thì sai sứ sang thiên tử thì xưng “vương 王”, triều kiến thỉnh mệnh như các “chư hầu vương”.

(Nguyên văn : 遂至孝景時,稱臣,使人朝請,然南越其居國竊如故號名其使天子稱王朝命如諸侯-*Tọa chí Hiếu Cảnh thời, xưng thần, sứ nhân nhập triều thỉnh. Nhiên Nam Việt kỳ cư quốc thiết như cố hiệu danh, kỳ sứ thiên tử, xưng vương triều mệnh như chư hầu.*)

Gần đây, sử gia Trung Quốc là Lưu Mẫn trong bài viết “Khai Quan, Định Luận-Tòng Văn Đế Hành Tỹ Khán Hán Việt Quan Hệ”, cũng nhận định rằng:

“Đứng về phía nước Nam Việt mà xét, thì tình thần cảnh giới với nhà Hán thật vô cùng rõ ràng. Triệu Đà là người trung nguyên. Tổ tiên ở Hà Bắc. Một đời Triệu Đà làm tôi nhà Hán mấy chục năm, theo lễ nghi, Đà đáng lẽ phải theo định kỳ vào Trường An triều cống thiên tử. Còn đối với tình và lý, Đà phải trở về cố hương để tảo mộ cha mẹ.

Nhưng Đà đã chẳng làm một việc nào cả, lại còn không dám rời khỏi đất Lĩnh Nam nửa bước”.

Triệu Đà, chẳng những đối với bản thân mình thận trọng cảnh giác như vậy, mà còn dặn dò con cháu cảnh giới trong quan hệ ngoại giao với Hán như sau :

Phụng sự Thiên tử, cốt đừng để thất lễ, quan trọng là đừng nghe lời nói ngon ngọt mà vào triều kiến. Nếu vào triều kiến là không trở về được đâu, đó là cái thế mất nước đấy. Nguyên văn chữ Hán : Phụng thiên tử kỳ vô thất lễ, yếu chi bất khả dĩ thuyết hảo ngữ nhập kiến. Nhập kiến tắc bất đắc phúc qui, vong quốc chi thế dã 奉天子期無失禮要之不可以說好話語入見,入見則不得復歸亡國之勢也- (Trích Sử Ký của Tư Mã Thiên)

Vì là một nước nhỏ, để giữ nước Đà buộc phải chịu làm thần tử nhà Hán, nhưng luôn giữ thái độ cảnh giác, phòng bị nhà Hán, đó là điều được nhiều sử gia đồng ý.

Đến đời thứ hai của nhà Triệu là Triệu Muội (Theo Đại Việt Sử Ký Toàn Thư tức Triệu Văn Vương Triệu Hồ, con Trọng Thủy, cháu nội Triệu Đà), và đời thứ ba là Triệu Minh Vương Anh Tề ở ngôi, Hán Võ Đế trước sau từng nhiều lần phái sứ giả mời vào triều, nhưng hai ông vua này đều lấy cớ giống nhau là có bệnh để không vào triều kiến, chỉ sai con vào làm túc vệ.

Đến đời vua thứ tư nhà Triệu là Triệu Ai Vương Triệu Hưng, khi muốn sửa hành trang và quà biếu, để vào triều kiến, thì trong nước bị chia rẽ, nội loạn, mất đoàn kết, Hán sai Lộ Bác Đức đem quân nam hạ, đốt cháy tan kinh đô Phiên Ngung (*tức Quảng Châu ngày nay*).

Nước Nam Việt của nhà Triệu quả nhiên đã bị mất vì nội loạn và mất đoàn kết.

Giả sử như sau này, Tể Tướng Lữ Gia của Nam Việt không nổi lên chống Hán, thì nhà Hán cũng không để cho nước này tồn tại mãi được. Nên có sử gia đã nhận định :

“**Ngoại hữu quân thần chi danh, nội hữu địch quốc chi thực 外有君臣之名 内有敵國之實**-*Bề ngoài là danh nghĩa quân thần, sự thực bên trong là hai nước thù địch*”

Đó là thực chất của quan hệ Hán Việt vào đầu tiên thế kỷ thứ hai.

Đến đây, người viết xin trở lại với bài viết

C- Về Sách Hoài Nam Tử .

Sách « Hoài Nam Tử » còn có tên là « Hoài Nam Hồng Liệt ». Khi mới đọc sơ tựa đề của sách, có người lầm lẫn cho rằng Hoài Nam Vương Lưu An là người trứ tác. Thật ra sách này do Lưu An cùng tập thể những người tân khách của ông như Tô Phi, Lý Thượng, Ngũ Bị Và một số người khác cộng đồng sáng tác.

Năm 139 trước Công Nguyên, sau khi Võ Đế lên ngôi được 1 năm, Lưu An đem sách dâng cho Võ Đế, được Hán Võ Đế rất tán thưởng .

Nguyên sách có ba bộ phận gồm nội thư, trung thư, ngoại thư, tổng cộng hơn hai mươi vạn chữ, nay chỉ bảo tồn được phần nội thư có 21 thiên. Sách « Hoài Nam Tử » lấy tư tưởng của đạo gia thời Tiên Tần làm chủ đạo, tuy có pha lẫn quan điểm của nho gia, pháp gia, âm dương gia. Nhưng chính như Cao Dụ nhận định « Tôn chỉ của sách Hoài Nam Tử, rất gần với Lão Tử, mang mác vô vi », đó chính là sự kế tục tư tưởng vô vi của Hoàng Lão vào thời kỳ đầu nhà Hán.

Sách còn bảo lưu được một số không ít những dật sự và thần thoại truyền thuyết của thời kỳ Tần Hán. Các truyện như « Nữ Oa Bô Thiên », « Hậu Nghệ Xạ Nhật », « Hạ Vũ Trị Thủy », « Hằng Nga Bôn Nguyệt », « Tái Ông thất Mã », đều do sách « Hoài Nam Tử » mà được lưu truyền lại hậu thế.

Trong « Hoài Nam Tử » còn cho chúng ta thấy những thông tin quý giá liên quan đến lịch sử nước Nam Việt. Chẳng hạn « Hoài Nam Tử » bảo rằng mục đích xâm lăng Nam Việt của Tần Thủy Hoàng chỉ vì tham châu báu, vàng bạc, ngà voi, sừng tê, đồi mồi, chim lông thúy của Nam Việt, đồng thời ký thuật một cách tường tận rõ ràng việc Tần Thủy Hoàng phái Đồ Thư sang xâm chiếm Lĩnh Nam như đoạn dưới đây:

« Tần Thủy Hoàng vì tham những sừng tê giác, ngà voi, lông chim thúy, châu báu ngọc ngà, nên phái Úy Đồ Thư đem năm chục vạn binh tốt, chia làm năm đạo quân tiến vào Lĩnh Nam.

-Một đạo đóng chặn ở dãy núi thuộc Đàm Thành.

-Một đạo chiếm giữ chỗ hiểm yếu ở Cửu Nghi.

-Một đạo đóng ở kinh đô Phiên Ngung.

-Một đạo chiếm giữ biên giới Nam Dã.

-Một đạo tập kết ở sông Dư Can.

Trong ba năm binh lính không được cởi bỏ giáp trụ, cung tên, và phái viên quan Giám Lộc vận chuyển lương thực nhưng không được, mới dùng binh sĩ để đào ngòi nước lấy đường tải lương, đánh nhau với người Việt, giết được vua Tây Âu là Dịch Vu Tổng, nhưng người Việt đều bỏ chạy vào rừng thưa, sống chung với cầm thú, không chịu để quân Tần bắt làm tù binh, rồi cùng nhau chọn người kiệt tuấn lên làm tướng, ban đêm ra đánh nhau với quân Tần, giết được Đồ Thư, quân Tần bị chết lưu huyết có đến mười vạn, sau Tần phải đem trịch nhưng đến phòng bị »

Ngoài những thông tin khả tín quý giá này, sách « Hoài Nam Tử » còn có những chi tiết hiếm hoi liên quan đến văn hóa, phong tục, lịch sử cổ thời kỳ Tần Hán. Một phần vì sách được viết

vào thời điểm không quá xa với nhưng sự kiện xảy ra, và một phần, vì đất phong của Lưu An tiếp cận với vùng Lĩnh Nam.

Sách « Hoài Nam Tử » vốn có tên là « Hồng Liệt », sau nhờ Lưu Hưởng người thời Tây Hán hiệu đính mới có tên là « Hoài Nam ». Trong sách « Tùy Thư – Kinh Tịch Chí » mới bắt đầu gọi là « Hoài Nam Tử ».

Hoài Nam Tử có nhiều bản lưu hành khác nhau. Đời Đông Hán có các bản do Cao Dụ chú giải, và bản của Hứa Thận chú giải. Và nay có « Hoài Nam Hồng Liệt Tập Giải » của Lưu Văn Điền rất có giá trị.

D- Về Lưu An

Chúng tôi xin tóm lược trích dịch ra một đoạn về Hoài Nam Vương Lưu An trong « Hoài Nam Hành Sơn Liệt Truyện » thuộc Sử Ký của Tư Mã Thiên như sau :

Lưu An là con Lưu Trường, cháu nội Hán Cao Tổ Lưu Bang, và là chú của Hán Võ Đế.

Hoài Lê Vương Lưu Trường vốn là con út của Cao Tổ, mẹ của Lưu Trường vốn là mỹ nhân của Triệu Vương Trương Ngao. Năm Cao Tổ bát niên, tức năm tức năm 199 t CN, Cao Tổ từ Đông Viên đi qua đất Triệu, Trương Ngao đem mỹ nhân hiến cho Hán Cao Tổ Lưu Bang, được Lưu Bang sủng hạnh, có thai và sinh ra Lưu Trường.

Sau này Lưu Trường mưu phản, bị đầy và nhịn ăn chết trên đường lưu đầy, như trên đã trình bày.

Năm 164 t CN, Văn Đế chia đất Hoài Nam làm ba phần để chia cho ba người con của Lưu Trường, là Phụ Lăng Hầu Lưu An làm Hoài Nam Vương, An Dương Hầu Lưu Bột làm Hành Sơn Vương, Dương Chu Hầu Lưu Tứ làm Lu Giang Vương.

Đến năm 154 t CN, đời Hán Cảnh Đế, xảy ra cái loạn mà sử gia gọi là Ngô Sở Thất Quốc Chi Loạn, Lưu An muốn phát binh hưởng ứng, nhưng có vị tướng quốc khuyên ngăn, nên không thành.

Lưu An không ham thích săn bắn, chỉ thích đọc sách, đánh đàn, và là người bác học thiện văn, thường cùng với tân khách làm thơ soạn sách. Trong nước, Lưu An lấy nhân nghĩa để trị quốc, vỗ về dân chúng, được thiên hạ khen ngợi, nhưng đối với cái chết của phụ thân ông vẫn mang niềm oán hận, muốn khởi binh làm phản, nhưng chưa có cơ hội.

Năm Kiến Nguyên nhị niên, đời Hán Võ Đế, tức năm 139 t CN, Lưu An vào triều, gặp Võ An Hầu Điền Phấn, vốn là chỗ giao tình thân thiết với Lưu An. Phấn kín đáo nói riêng với An rằng :

-Kim thượng không có Thái Tử, nếu sớm chiều giá băng, thì người nối nghiệp không ai bằng đại vương được.

An nghe nói thế, trong lòng rất lấy làm cao hứng, khi trở về nước bèn âm thầm bỏ tiền hối lộ các quận thú, huyện lệnh, để chiêu mộ nhân tài. Trong những môn khách nổi tiếng của Lưu An người ta thấy có Tô Phi, Lý Thượng, Tả Ngô, Trần Do, Ngũ Bị, Mao Chu, Lô Bị, Tấn Xương, được xưng hiệu là « Bát Công 八公 ». Đồng thời, An còn lo sắm sửa những binh khí tác chiến, để chuẩn bị nhòm ngó để vị.

Lưu An còn có một người con gái tên là Lăng, thông tuệ mà lại có tài biện bác, thường được An cho rất nhiều tiền, để kết giao với những người tả hữu thân cận của Hán Võ Đế, để thăm dò tin tức.

Lưu An lại có người con trai là Lưu Thiên ở ngôi Thái Tử, lấy cháu ngoại của Vương Thái Hậu, nhưng Lưu An sợ vợ của Lưu Thiên tiết lộ nội tình, bèn lập kế cho vợ của Lưu Thiên phải trở về Trường An.

Vợ An cùng với con gái và Thái tử Thiên ý vào sự đắc sủng của làm những điều phạm pháp can bậy.

Đến năm Nguyên Sóc ngũ niên, tức năm 124 t CN, Thái Tử Lưu Thiên học kiếm thuật, thường tự phụ là không ai giỏi bằng mình, thấy viên Lang Trung Lô Bị là người sành dùng kiếm, mới mời Bị đến để tỉ thí, nhưng Bị tái mấy lần chối không được. Kết quả, Thái Tử Thiên bị Lô Bị đâm trúng, khiến cho Thái tử tức giận.

Lôi Bị sợ hãi, xin được tòng quân đi đánh Hung Nô, nhưng không được phép, Lôi phải bỏ trốn vào Trường An rồi dâng thư lên triều đình kêu oan. Võ Đế xuống lệnh cho quan Đình Úy và viên quan coi quận Hà Nam thẩm lý vụ án.

Viên quan Hà Nam tâu xin được bắt để trị tội Thái Tử Lưu Thiên. Các vị công khanh còn đòi bắt luôn cả Hoài Nam Vương Lưu An nữa. Lưu An biết tin, trong lòng đâm hoảng sợ, có ý muốn khởi binh làm phản ngay. Sau nhân Võ Đế không nghe lời tâu của các công khanh, và chỉ phái người đến trách Lưu An về việc Lôi Bị mà thôi, đồng thời cắt bớt hai quận của An. Việc bị tước hai quận khiến cho Lưu An cảm thấy bị xỉ nhục, ý muốn khởi binh làm phản càng nôn nóng.

An cho gọi Ngũ Bị vào thương lượng việc khởi sự; và bảo với Bị rằng :

-Hàng thượng không có Thái Tử, nếu như giá băng, các bậc phụ chính nhất định sẽ đưa Giao Đông Vương lên làm vua, còn không thì là Thường Sơn Vương. Bây giờ các chư hầu sẽ nổi lên đánh lẫn nhau, ta lẽ nào lại không chuẩn bị trước. Và ta là cháu của Cao Tổ, bản thân thi hành nhân nghĩa. Bệ hạ đãi ta hậu hĩ, nên ta còn nhẫn nhịn. Khi bệ hạ giá băng rồi, ta lẽ nào lại chịu quay mặt hướng bắc mà xưng thần với đứa trẻ ranh ấy.

Ngũ Bị nghe nói thế lấy làm buồn, bèn lấy việc Ngũ Tử Tư can gián Ngô Vương để khuyên can Lưu An.

Ngũ Bị bảo với Lưu An rằng :

-Thiên Tử khoan hồng xá tội cho đại vương. Đại vương lẽ nào lại nói những lời vong quốc như thế. Thần nghe nói ngày xưa Ngũ Tử Tư khuyên gián Ngô Vương, nhưng Ngô Vương không dùng, nên Ngũ Tử Tư mới có câu nói : « Mắt thần sắp thấy Cô Tô Đài bị san bằng bình địa, và hươu nai sẽ dạo chơi ở đây ». Còn như giờ đây, mắt thần cũng sắp thấy cảnh nước mất nhà tan, người chết, cung điện hoang phế cỏ gai mọc đầy, vạt áo ướt đầm sương mai.

Lưu An cả giận, bèn bắt giam cha mẹ Ngũ Bị.

Mấy tháng sau, Lưu An lại cho vời Ngũ Bị vào cung, hỏi :

-Tướng quân có đáp ứng lời của quả nhân không ?

Bị đáp :

-Không ! Thần đến để bàn chuyện với đại vương mà thôi. Thần nghe nói, bậc thông giả có thể nghe được tiếng nói của cái không có tiếng nói. Bậc minh triết, có thể biết trước được cái kết quả của việc chưa hề phát sinh. Cho nên, thánh nhân làm việc gì, thì việc đó phải hoàn toàn chắc chắn không thể sai lầm được.

Ngày xưa, vua Văn Vương mỗi lần làm việc gì, thì chiếu rọi ngàn đời, nên được đứng đầu cả tam vương, vì đó là những việc làm thuận với ý trời, hải nội hẹn kỳ mà vào châu, tự nhiên hưởng ứng. Đó là những việc có thể thấy trước được cả ngàn năm. Đến như, việc nhà Tần làm cách đây trăm năm, việc bầy nước Ngô Sở mới làm gần đây, đủ làm gương cho thấy lẽ tồn vong của quốc gia. Thần không vì sợ bị chu lục mà không hết lòng can gián như Ngũ Tử Tư, xin đại vương đừng như vua Ngô, bỏ ngoài lỗ tai lời nói của thần.

Ngày xưa nhà Tần phé hết đạo thánh hiền, giết nho sinh, đốt Thi, Thư, bỏ lễ nghĩa, sùng thượng ngục trá, thích dùng hình phạt, đem thóc gạo ở trong nước đổ ra ngoài biên ải. Trong khi đó, đàn ông cày bừa cực khổ, mà cám bã không đủ ăn. Đàn bà dệt cửi suốt ngày, cũng không đủ vải che thân. Nhà Tần lại phái Mông Diêm xây cất Trường Thành, đông tây dài mấy ngàn dặm. Hàng chục vạn quân thường phải hành quân tại ngoại, người chết không sao kể hết, thây phơi đầy nơi hoang dã, máu xuôi ngàn dặm. Sức dân khô kiệt, nên mười nhà có đến năm nhà muốn nổi lên làm loạn.

Tần Thủy Hoàng lại phái Tử Phúc ra biển để tìm thần tiên xin thuốc trường sinh. Tử Phúc ở biển trở về, nói dối Tần Thủy Hoàng : « Thần có gặp một vị đại tiên ở ngoài biển. Đại tiên hỏi thần rằng :

-Ông có phải là sứ giả của vị vua phía tây không ?

Thần trả lời :

-Thưa đúng vậy.

Lại hỏi :

-Ông đến đây tìm gì ?

Thần thưa :

-Muốn xin thuốc trường sinh (*diên niên ích thọ* 延年益壽.)

Đại tiên lại nói :

-Lễ vật của vua Tần nhà người ít quá, thuốc “diên niên ích thọ” ta chỉ cho người thấy, chứ không được lấy mang về.

Rồi đưa thần đến Bồng Lai Sơn ở đông nam hải, thần thấy cỏ linh chi mọc đầy cửa khuyết, có một vị sứ giả sắc mặt như đồng, hình dáng như rồng, hào quang rực rỡ. Bấy giờ thần mới vái thêm lần nữa mà hỏi :

-Vậy phải dâng lễ vật loại nào thì mới được ngài ban thuốc.

Đại tiên nói :

-Lễ vật phải là đồng nam đồng nữ, cùng với các loại thợ mới được.

Tần Thủy Hoàng nghe Từ Phúc tâu xong thì cả mừng, sai lấy ba ngàn đồng nam đồng nữ, các loại ngũ cốc, và các loại thợ, giao cho Từ Phúc đem đi. Nhưng Từ Phúc tìm đến một vùng bình nguyên đại trạch, bèn lưu lại sống ở đấy, tự xưng là vua mà không trở về nữa. Vì thế, dân chúng đau khổ, thương nhớ con cái, mười nhà có đến sáu nhà muốn làm phản.

Tần Thủy Hoàng lại phái Úy Đà vượt Ngũ Lĩnh tấn công Bách Việt. Úy Đà thấy trung quốc đã lao khổ cùng cực, bèn ở lại Nam Việt, tự lập làm vương, cũng không trở về nữa, và dâng thư về xin ba vạn con gái chưa chồng đến, để may vá cho binh sĩ, nhưng Tần Thủy Hoàng chỉ cho có một vạn năm ngàn người. Đến lúc đó, lòng người ly tán, mười nhà có đến bảy nhà muốn làm phản.....

Lưu An nghe xong thì lòng buồn rầu rĩ, nước mắt lưng tròng, đứng dậy lần từng bước xuống bậc thêm.

Đến năm Nguyên Sóc lục niên, tức năm 123 t CN, cháu nội của Lưu An là Lưu Kiến, vì ghen tức, cho người dâng thơ lên triều đình tố cáo Thái Tử Lưu Thiên bất pháp. Cha của Lưu Kiến là Lưu Bất Hại, là con trưởng của Lưu An, nhưng không được An yêu quý, nên Kiến bất bình, ý muốn trừ khử Lưu Thiên, để cho cha lên làm thái tử.

Hán Võ Đế được thư, bèn xuống lệnh cho quan Đình Úy xét việc này. Đình Úy lại giao cho Thứ Sử Hà Nam thẩm lý, gọi Lưu Kiến đến Hà Nam thụ thẩm.

Bấy giờ cháu của cố Tích Dương Hầu 辟陽侯 là Thảm Khanh, vốn thân thiện với quan Thừa Tướng Công Tôn Hoảng, oán hận cha của Lưu An là Lệ Vương Lưu Trường giết tổ phụ mình, nên trước mặt Hoảng thường đặt điều thêu dệt thêm vào. Vì thế, Hoảng tin là Hoài Nam Lưu An có âm mưu phản nghịch, nên đối vụ án càng cứu xét kỹ hơn.

Khi bị hỏi cung, Kiến khai tội liên can đến Lưu An, và Lưu Thiên cùng đáng vũ.

Lưu An trong lòng lo lắng, muốn khởi binh ngay. Một lần nữa lại vờ Ngũ Bị vào để hỏi việc “trị loạn” trong triều đình.

Ngũ Bị thưa là “thiên hạ thái bình”. An nghe thế, không vui, hỏi Bị :

-Ông dựa vào đâu mà bảo thiên hạ thái bình “.

Ngũ Bị giải thích :

-Thần trộm xét thấy việc chính trị của triều đình, nghĩa thần tử vua tôi, tình thân phụ tử, sự khác biệt giữa vợ chồng, thứ tự già trẻ, đều được giữ thỏa đáng, đúng đạo lý. Việc làm của hoàng thượng cũng đều tuân theo đạo cũ. Phong tục kỷ cương chưa có gì là khuyết điểm. Phú thương, cự cổ, hàng hóa lưu thông khắp nơi. Đường đi lại không chỗ nào không thông. Việc buôn bán không bị trở ngại. Phía nam có nước Nam Việt thần phục. Đông Âu xin hàng. Phía bắc, mở rộng đất Trường Du ra ngoài biên tái, lập thêm Sóc Phương. Đánh bại Hung Nô, không còn đất cứu viện để nổi dậy nữa. Tình hình trước mắt, tuy không thể nói là thái bình hơn thời cổ, nhưng có thể nói là được trị an.

Lưu An nghe xong, lấy làm giận. Bị vội vã tạ tội.

Lưu An lại hỏi :

-Gia sử vùng Sơn Đông phát sinh biến loạn, triều đình tất sẽ phái Đại Tướng Quân Vệ Thanh cầm quân đánh dẹp, ông thấy Đại Tướng Quân Vệ Thanh là người thế nào ?

Bị thưa :

- Thần có người quen là Hoàng Nghĩa, từng theo Đại Tướng Quân Vệ Thanh đánh Hung Nô trở về, kể cho thần biết rằng Vệ Thanh đối với sĩ đại phu rất là có lễ, đối với binh sĩ thì ban ơn, nên mọi người đều vì Vệ Thanh mà hết lòng phục vụ. Vệ Thanh thường cưỡi ngựa lên núi xuống núi như phi, tài cán tuyệt luân. Một người tài năng như thế, lại nhiều lần cầm quân, quen với chinh chiến, không phải dễ dàng đối địch.

Lưu An hỏi đến việc Ngô Vương Lưu Tị, trước đây cầm quân đứng đầu bảy nước khởi binh tạo phản là đúng hay sai.

Bị cho rằng là sai, đồng thời khuyên Lưu An nên suy nghĩ kỹ càng, đừng nên bắt chước Ngô Vương Lưu Ty, mà sau này hối không kịp.

Nhưng Lưu An bảo rằng :

-Đại trượng phu đã nói đến tạo phản, thì dù có vì câu nói đó mà chết cũng cam. Vả, Ngô Vương Lưu Ty đâu có hiểu gì về thuật khởi binh tạo phản, không biết đưa quân đến trấn giữ cửa khẩu Thành Cao, để đến nỗi trong một ngày có đến bốn chục viên tướng của triều đình đi qua cửa đó. Nếu như ta cầm quân, thì trước hết ta phái Lâu Hoãn đem quân chặn đóng cửa Thành Cao. Chu Bị đem quân Dĩnh Xuyên chặn ở núi Hiên Viên, và đường Y Khuyết. Trần Định đem quân Nam Dương trấn giữ Võ Quan. Như thế có thể không chế được Thái Thú Hà Nam. Còn lại chỉ có Lạc Dương thôi, đâu có gì phải lo gì nữa. Còn mặt bắc, ta chỉ cần chiếm giữ những chỗ hiểm yếu ở Tam Xuyên, rồi liên lạc với quân Sơn Đông. Chiến lược sắp xếp như thế ông thấy thế nào ?

Bị đáp :

-Thần chỉ thấy hại mà không thấy lợi ?

Lưu An lại nói :

-Tả Ngô, Triệu Hiền, Chu Kiêu đều cho như thế là có lợi, thành công đến chín phần mười. Sao ông lại cho là hại, thế là nghĩa làm sao ?

Bị thưa :

-Những cận thần của đại vương, bình thường chỉ biết hiệu triệu quần chúng. Còn mấy người đại vương kể trên đây, đều đã có chiếu lệnh bắt tù. Người còn lại thì không dùng được.

Nhưng Lưu An phản bác :

-Thế như Trần Thắng, Ngô Quảng là những người không mảnh đất cắm dùi, tụ tập được không quá một ngàn người, nổi lên từ nơi đầm trạch, gior tay hô lên, mà gọi được thiên hạ hưởng ứng, khi đến đất Hí đã có một trăm hai mươi vạn người đi theo. Còn như nước ta, tuy không lớn nhưng giáp trụ kiên cường, binh sĩ tinh nhuệ có hơn mười vạn, vì sao ông lại cho là có hại mà không có lợi ?

Bị đáp :

-Ngày trước nhà Tần vô đạo, tàn hại thiên hạ, dùng hàng vạn cỗ xe để xây cất cung A Phòng, bắt dân nộp thuế đến hai phần ba lợi tức của mình, đem hết những người nghèo khổ sống ở lu tá đẩy ra làm lính thú ngoài biên ải. Cha không bảo vệ được con. Anh không giúp được em. Chính lệnh bạo ngược. Hình pháp khắc khe. Khiến cho bách tính kêu than thảm thiết như ngòi trên lửa đỏ. Ai ai cũng ngẩng cổ trông mong, nghiêng tai nghe ngóng, nhìn trời mà gào khóc, bảo nhau mà oán than. Vì thế mà Trần Thắng chỉ hô một tiếng là thiên hạ hưởng ứng. Ngày nay thiên tử giám chế thiên hạ, thống nhất hải nội, ban ân bố đức. Gia sử có bề khâu im lặng không lên tiếng, thì thanh âm còn lớn hơn cả sấm động. Không ban hiệu lệnh, mà giáo hóa còn nhanh hơn cả thần minh, bụng mới nghĩ mà đã chấn động vạn lý, dưới vâng lời trên bảo. Còn tài năng của Đại Tướng Quân Vệ Thanh, ngoài Chương Hàm, Dương Hùng không ai có thể bằng.

Vậy mà Đại Vương đem tình trạng ngày nay mà so với thời Trần Thắng, Ngô Quảng khởi binh, thần cho như thế là sai.

Lưu An nói :

-Nếu nói như ông, thì ta chẳng có chút cơ may nào nữa sao ?

Bị thừa :

-Thần tất có kế đây.

- Kế như thế nào ?

Bị đáp :

-Lúc này chư hầu không nước nào có bụng làm phản.Trăm họ không có ai oán thán..Các châu quận ở Sóc Phương thì đất đai rộng rãi, thủy thảo xanh tốt, số người đưa đến đây không đủ để khai thác đất này. Theo như kế của thần, đại vương nên làm giả tấu chương của các quan Thừa Tướng, và Ngự Sử, xin hoàng thượng xá miễn tội của những hào kiệt, nhậm hiệp, những người chờ ân xá ở các quận, và những người gia sản có trên năm vạn, đều ép phải đưa tất cả gia thuộc của họ đến các quận ở Sóc Phương. Đồng thời, phải nhiều binh lính thúc bách họ phải mau chóng tập hợp để lên đường. Sau đó lại làm giả chiếu ngục thư của các quan Tả, Hữu Tư Không, Đô Tư Không, Thượng Lâm Trung Đô Quan đi bắt các Thái Tử và các cận thần nắm giữ quyền hành của các vua chư hầu.Như thế bách tánh tất oán hận, chư hầu sẽ hoảng sợ, sau đấy đại vương phái biện sĩ đến du thuyết các họ, họa chẳng có được một phần mười thời cơ may mắn.

Lưu An nói :

-Kế của ông có thể dùng được.Tuy nhiên, nếu không xong cũng phiền.

Sau đó Hoài Nam Vương Lưu An, cho gọi quan nô vào cung, làm những loại ấn của Hoàng Đế, và của các quan Thừa Tướng, Ngự Sử, Đại Tướng Quân, Trung Nhị Thiên Thạch, Đô Úy...để thực hành kế hoạch của Ngũ Bị.Rồi lại phái người giả trang bị tội đến kinh sư, vào phụng thị cho Đại Tướng Quân Vệ Thanh và Thừa Tướng Công Tôn Hoàng, chờ đến khi Hoài Nam Vương phát binh nổi dậy thì ám sát giết Đại Tướng Quân Vệ Thanh, và khuyên thuyết Thừa Tướng Công Tôn Hoàng tuân phục Lưu An, và cho đó là việc dễ như lấy khăn trên đầu xuống..

Còn như ngày phát binh,Lưu An chưa quyết định.

Hán Võ Đế nghe tin Thái Tử của Hoài Nam Vương là Lưu Thiên làm nhiều điều bất pháp, mới nhân việc bỏ nhiệm Đình Úy Giám Thừa làm Hoài Nam Trung Úy, lợi dụng cơ hội để bắt Thái Tử.

Khi Trung Úy đến Hoài Nam, Lưu An muốn phát binh nổi dậy, nhưng do dự.Còn Thái Tử thì cắt cổ tự sát nhưng không chết.Ngũ Bị ra đầu thú, tự khai là mình với Hoài Nam Vương Lưu An có âm mưu làm phản.Và mưu kế làm phản sẽ thực hành đúng theo như đã thuật trên đây.

Hán Võ Đế ra lệnh cho Thừa Tướng Công Tôn Hoàng và Đình Úy Trương Thang xét cho ra vụ án Lưu An mưu phản, rồi phái Tông Chính Lưu Khí mang phù tiết đến Hoài Nam để trị tội.Lúc Lưu Khí chưa đến nơi thì Hoài Nam Vương Lưu An cắt cổ tự vẫn chết năm 122 t CN, chung niên 58 tuổi.

An là người yêu thích văn học, thông minh mãi tiếp, giỏi về từ phú, ngoài sách “Hoài Nam Tử”, viết chung với những môn khách ra,theo “ Hán Thư ” ghi là có 28 bài phú. An từng phụng mệnh Võ Đế viết “Ly Tao Truyện”, là trứ tác đầu tiên thuyết giải về “Ly Tao”

Vợ An, Vương Hậu là Trà, Thái Tử là Thiên cùng những người tham dự vào âm mưu phản nghịch đều bị tội diệt tộc.Riêng về Ngũ Bị, Hán Võ Đế nhân thấy cung từ của Bị có nhiều chỗ ca tụng nhà Hán, nên có ý muốn tha chết cho Ngũ Bị.

Nhưng Đình Úy Trương Thang tâu :

-Bị là người đứng đầu vẽ ra kế hoạch mưu phản. Tội của Bị không thể tha được .

Vì thế Bị bị giết.Nước Hoài Nam bị phế bỏ để lập Cửu Giang Quận.Số người bị khiên liên và bị giết lên mấy ngàn người.

Tạm ngưng trích dịch.

Bài viết này chỉ nhằm mục đích mua vui và góp thêm ý kiến vào cuộc mạn đàm trà dư tửu hậu gần đây với mấy người vong niên, trong đó có ý kiến cho rằng cái chết của Lưu An có liên quan đến sách Hoài Nam Tử, và cho đây là một án văn tự ngục.

Trong suốt chiều dài lịch sử mấy ngàn năm của các vương triều phong kiến Trung Quốc, những cuộc « huynh đệ tương tàn 兄弟相殘 » để tranh giành ngôi báu và nắm quyền lãnh đạo thường luôn luôn xảy ra và gần như trở thành một truyền thống, không vương triều nào không có.

Và cái chết của Lưu An rõ ràng là một vụ án chính trị nằm trong truyền thống này.

Hiện nay tại Thọ Huyện tỉnh An Huy còn có ngôi mộ của Lưu An, cao 6 mét, chu vi 166 mét, đằng trước có một tấm bia đá cao 2,5 mét, rộng 1 mét, dựng nên vào thời vua Đồng Trị nhà Thanh, mộ có chữ:

« Hán Hoài Nam Vương Mộ 漢淮南王墓 »

(Paris ngày 24-11-08 lúc 24d18. Phạm Xuân Hy)

Chú thích :

Ý nghĩa của chữ Vương và Nam Việt Vương.

A-Từ thời thời Tây Chu, chỉ có bậc quân chủ tối cao mới có danh xưng, hoặc thụy hiệu là “Vương 王”, tức “đế vương”, hay nói một cách khác “ Vương 王” có nghĩa là người thống trị tối cao trong thiên hạ”, như Chu Văn Vương, Chu Võ Vương, Chu Thành Vương, Chu Bình Vương.

Dưới thời nhà Chu, người ta tuyên dương quyền lực của bậc quân chủ, cho rằng quyền làm vua là do trời ban, “thiên thụ 天授”, vua theo ý trời mà cai trị dân, từ đó, đưa ra một định nghĩa là “Vương giả, thiên chi tử dã 王者天之子也-Vương, là con của trời” song song với tư tưởng “Thiên vô nhị nhật, dân vô nhị vương-天無二日土無二王 –Bầu trời không có hai mặt trời, nước không có hai vua”.

Vì thế gọi vua là “Thiên tử 天子-Con trời”.

Đến thời nhà Hán, sách Thuyết Văn Giải Tự của Hứa Thận cũng giải thích “Vương, thiên hạ sở qui vãng dã-王 天下所歸往也-Vương là bậc được thiên hạ theo về”.

Cuối thời nhà Tần, khi Triệu Đà, nổi lên chống lại bạo Tần “tự lập vi vương 自立為王”, xưng Nam Việt Vương, có nghĩa là tự cho mình là Thiên tử, là Đế Vương của đất Nam Việt, tách riêng một “son thà” khác biệt với Trung Nguyên.

Trong lịch sử nước ta vào cuối đời nhà Nguyễn cái tinh thần “nước không có hai vua” cũng được nhắc lại, khi người Pháp muốn đưa Trương Như Cương ra làm Phó Quốc Vương. Trong cuộc họp đình thần bàn về việc này, không vị quan nào dám phát biểu mặc dầu không đồng ý. Riêng Cao Xuân Dục đã viết lên giấy và đọc trước mọi người:

“Thiên vô lưỡng nhật, quốc vô lưỡng vương, thần Đông Các Đại Học Sĩ Cao Xuân Dục bất cảm ký-天無兩日國無兩王臣東閣大學士高春育不敢記 – Trời không thể có hai mặt trời, nước không thể có hai vua, thần là Đông Các Đại Học Sĩ Cao Xuân Dục không dám ký” (Theo giới thiệu của bản dịch sách Quốc Triều chính biên toát yếu).

B-Còn chữ Vương 王, trong “Nam Việt Vương” mà Hán Cao Tổ sai Lục Gia sang phong cho Triệu Đà thì chỉ là tước vương. Tương tự như Hoài Nam Vương, Trường Sa Vương, Lương Vương, Hàn Vương v.v...

A Phòng Cung

阿房宮

A 阿 có nghĩa là cận, gần. Phòng 房 thông với chữ bàng 旁, và hiểu theo nghĩa của chữ bàng, có nghĩa là bên cạnh.

A Phòng Cung 阿房宮 có nghĩa là cung điện ở cận bàng, ở gần kinh đô Hàm Dương của nhà Tần.

Theo Trung Quốc Danh Thắng Tự Điển, thì di chỉ của A Phòng Cung hiện nằm tại thôn A Phòng, cách thành phố Tây An, tỉnh Thiểm Tây bảy kilomet rưỡi. Năm 242 trước Công Nguyên, Tần Thủy Hoàng thấy Kinh Đô Hàm Dương chật chội, nhỏ hẹp, mới dùng bảy mươi vạn người bị tội xây triều cung trên bờ phía nam sông Vị Hà, trong rừng Thượng Lâm Uyển.

Khi còn sinh tiền, Thủy Hoàng chỉ mới xây được có tiền điện.

Sử Ký của Tư Mã Thiên – Tần Thủy Hoàng bản kỷ có ghi rằng “A Phòng Cung tiền điện, từ đông sang tây rộng năm trăm bộ (một bộ là 5 thước), từ nam sang bắc rộng năm mươi trượng (một trượng bằng mười thước), bên trên có thể ngồi một vạn người. Bên dưới có thể cắm cờ cao năm trượng. Xung quanh làm các đạo, từ dưới chạy thẳng lên núi Nam Sơn. Lấy chòm núi Nam Sơn làm cửa khuyết. Làm đường phúc đạo, từ cung A Phòng vượt qua sông Vị Thủy, đến Hàm Dương. Gỗ thì lấy từ đất Thục, đất Kinh, đá thì lấy từ núi Bắc Sơn.

Công việc xây cất cung A Phòng bị đình chỉ, để xây lăng cho Tần Thủy Hoàng. Tần Thủy Hoàng chết, Tần Nhị Thế lên kế vị, tiếp tục xây cung A Phòng. Đến khi Hạng Vũ vào Quan Trung cung A Phòng bị tiêu hủy hết.

Hiện nay ở vùng phụ cận thôn A Phòng, có một cái nền đất lớn, chu vi 310 mét, cao 20 mét, đắp bằng đất nện, dân chúng ở đây gọi đó là Thượng Thiên Đài của Tần Thủy Hoàng. Ở phía tây nam của thôn còn một cái đài bằng đất hình vuông, diện tích ước khoảng 26 vạn mét vuông, quần chúng bảo đó là Mỹ Ổ Lãnh.

Hai nơi này được coi là di chỉ của A Phòng Cung

Quận Huyện Chế

郡縣制

Là tổ chức chính quyền địa phương được hình thành từ các thời Xuân Thu, Chiến Quốc, đến nhà Tần.

-Trước thời kỳ Xuân Thu, trong các nước Tần, Tấn, Sở, tại địa phương đã đặt ra huyện. Sang đến cuối đời Xuân Thu, các nước bắt đầu đặt quận bên ngoài biên địa. Tuy diện tích của quận lớn hơn so với huyện, nhưng vì ở xa, nên việc thiết lập cơ cấu hành chính thấp hơn.

-Sang đến thời Chiến Quốc, mới thiết lập huyện ở các quận ngoài biên địa, huyện lệ thuộc vào quận, và dần dần hình thành quận huyện chế. Đầu tiên một huyện lớn gọi là Huyện Lệnh, và huyện nhỏ gọi là Huyện Trưởng. Thuộc quan có Lĩnh Sử và Huyện Thừa trông coi về dân chính.

-Khi Tần Thủy Hoàng thống nhất Trung Quốc, chia nước thành 36 quận, rồi tăng thành 40 quận. Bên dưới quận thiết lập huyện.

Quận huyện chế thay thế phân phong chế. Các quan thú (tức quận thú) và lệnh (tức huyện lệnh) do triều đình bổ nhiệm và bãi bỏ, và được lãnh bổng lộc, không có quyền thế tập.

Như thế, quận huyện chế làm tăng cường cho chủ nghĩa chuyên chế trung ương tập quyền

-Đến thời Hán, song hành quận quốc chế, nghĩa là vẫn giữ chế độ của nhà Tần, đồng thời khôi phục phân phong chế chia đất cho con cháu để làm « phân dậu ». Tại đất phong của mình, chư hầu vương có quyền bổ nhiệm quan lại riêng, quân đội riêng, thuế thu riêng và cả quyền thừa kế. Sau cái loạn Ngô Sở Thất Quốc thì những quyền này dần dần bị mất đi.

Ô Giang

烏江

Ô giang hiện nay nằm cách bốn chục dặm về phía đông bắc Hoà Huyện tỉnh An Huy. Năm 202 trước Công Nguyên, Lưu Bang, Hàn Tín, và Bành Việt hội quân ở đây để đánh Hạng Vũ. Hạng Vũ phá vòng vây ở Cai Hạ chạy đến Ô Giang thì tự vẫn.

Đến tháng sáu cùng năm, Lưu Bang lên ngôi hoàng đế, thống nhất Trung Quốc, lập ra vương triều nhà Hán.

Phân phong chế

分封制

Cổ đại các hoàng đế và quốc vương chia đất đai cho các họ hàng, công thần để cai trị, và người ta gọi chế độ này gọi là phân phong chế.

Phân phong chế khởi đầu từ nhà Thương.

Nhà Chu Võ Vương diệt nhà Thương và sau khi thắng lợi trong việc đông chinh, dẹp sự nổi dậy của ‘Tam Giám’, đại quy mô chia đất, ban thưởng cho con cái và người trong họ, cùng các công thần, tông cộng hơn bảy chục chư hầu quốc. Như các nước Lỗ, Tề, Yên, Vệ, Tần, Tấn v.v các chư hầu quốc

này trở thành phen đậu cho nhà Chu.

Tại phong quốc của mình, các chư hầu được hưởng quyền cha truyền con nối, nhưng phải phục tùng mệnh lệnh của thiên tử, tức vua nhà Chu, và có trách nhiệm định kỳ triều cống, cung cấp binh lực cho thiên tử sử dụng.

-Đến thời Chiến Quốc, các nước lớn lấy thực ấp phân phong cho các công thần và con cái nhà quý tộc, nhưng các “quân hầu” thực ấp của mình chỉ có quyền trung thuâu các thuế điền, và công thương nghiệp, chứ không được hưởng quyền cha truyền con nối.

-Khi Tần thống nhất nước Tàu thì áp dụng quận huyện chế, bãi bỏ phân phong chế

-Đến nhà Hán, Lưu Bang trừ thi hành quận huyện chế, lại kế tục áp dụng phân phong chế, chia đất cho tông thất. Các chư hầu vương tại phong quốc của mình chẳng những có quyền trung thuâu thuế, lại nắm cả quyền cai trị nước nữa. Đến đời Cảnh Đế vì xảy ra cái loạn sử gọi là “Ngô Sở thất quốc chi loạn”, nên các phong quốc bị tước trừ quyền cai trị.

-Sau các đời Ngụy, Tấn, các triều đại vẫn còn áp dụng phân phong chế, nhưng không giống nhau.

Nghĩa Đế

義帝

Trong các cuộc chiến tranh khởi nghĩa cuối thời nhà Tần, sau khi Trần Thắng thua trận ở rút khỏi Trần Huyện, không biết ở đâu. Hạng Lương, con của danh tướng nước Sở là Hạng Yên, nghe lời khuyên của mưu sĩ Phạm Tăng lập cháu của Sở Hoài Vương tên là Tâm, lúc đó đang đi ở chẵn dê cho người ta, lên làm Vương, và cũng xưng là Sở Hoài Vương.

Khi nhà Tần mất, Hạng Vũ tự lập làm Tây Sở Bá Vương và tôn Sở Hoài Vương là Nghĩa Đế.

Đến tháng năm 205 t CN, Hạng Vũ sai Cửu Giang Vương Anh, Hành Sơn Vương Ngô Nhuế, Lâm Giang Vương ngầm giết Nghĩa đế ở giữa sông.

Ngô Nhuế

吳芮

Ngô Nhuế là một chư hầu vương đầu đời nhà Hán. Lúc mới đầu Ngô Nhuế làm huyện lệnh Phan Dương của nhà Tần (nay thuộc đông bắc Ba Dương tỉnh Giang Tây), nên được gọi là Phan Quân.

Cuối thời nhà Tần, Ngô Nhuế xuất lãnh Việt binh nổi lên, rồi phái bộ tướng là Mai Quyên cầm quân theo Lưu Bang. Khi Hạng Vũ phân phong chư hầu Ngô Nhuế được phong là Hành Sơn Vương. Đến khi thành lập nhà Hán đổi là Trường Sa Vương.

Năm 184 t CN, Lã Hậu cấm không cho buôn bán với Nam Việt, không bán cho Nam Việt đồ sắt và những súc vật giống cái, Triệu Đà cho đó là Lã Hậu nghe lời dèm pha và coi Nam Việt như Man Di, nên Triệu Đà lấy làm tức giận, coi những việc đó là do Trường Sa Vương muốn tiêu diệt Nam Việt mà bày đặt ra, nên Triệu Đà tự hiệu là Nam Việt Võ Đế, đem quân tấn công biên cảnh của Trường Sa Quốc, đánh phá một số huyện.

Tích Dương Hầu

辟陽侯

Tích Dương Hầu tức Thẩm Thực Kỳ, người Bái Huyện (nay thuộc tỉnh Giang Tô) thời Tây Hán, mới đầu làm xá nhân, (tức người thân cận, thuộc quan của hoàng hậu và công chúa), bị Hạng Vũ bắt đồng thời với Lã Hậu, nên dần dần trở thành gần gũi và tư thông với Lã Hậu. Hán Cao Tổ tuy nghe tiếng đồn, nhưng không hề để ý đến.

Dưới thời Lã Hậu, Thẩm Thực Kỳ được bổ làm Tả Thừa Tướng, sau phong làm Tích Dương Hầu, quyền thế rất lớn. Đến thời Văn Đế, năm 177 t CN Thẩm Thực Kỳ bị Hoài Nam Vương Lưu Trường dùng dùi sắt đâm chết

Đình Úy

廷尉

Tên một chức quan.

Đình Úy là một chức trong cửu khanh do nhà Tần lập ra, là vị quan cao nhất trông coi về tư pháp, hình ngục, và bình nghị các nghị án.

- Thời Chiến Quốc, nước Sở có chức Đình Lý coi về hình ngục.
 - Đầu đời nhà Hán chuyên theo.
 - Đến đời Hán Cảnh Đế đổi tên là Đại Lý
 - Năm 136 t CN, Hán Võ Đế lại đổi là Đình Uy, trật lộc Trung Nhị Thiên Thạch.Như Trương Thang giữ chức Đình Uy và xét xử vụ án Hoài Nam Vương mưu phản.
 - Đời Hán Ai Đế lại lấy tên là Đại Lý.
 - Đời Vương Mãng gọi là Tác Sĩ.
- Từ sau thời Đông Hán, Tam Quốc, Lương Tấn, Nam Bắc Triều hoặc gọi là Đình Uy hoặc Đại Lý.
 Từ nhà Bắc Tề thời Nam Bắc triều đều thiết lập ra cơ quan Đại Lý Tự và đặt một người Đại Lý Tự Khanh, và một người Đại Lý Thiểu Khanh.
 Hậu thế, thường hay gọi quan coi về tư pháp là Đại Lý, và phế bỏ danh xưng Đình Uy.

Cô Tô Đài

姑蘇台

Cô Tô Đài cũng còn gọi là Tô Đài ,do Ngô Vương Phù Sai dựng nên Xuân Tiêu Cung ở đây để làm nơi du ngoạn yên ấm đêm ngày.Khi nước Việt tấn công Ngô, thái tử Ngô là Hữu bị bại trận, bèn đốt đài này đi.Di chỉ nay nằm trên núi Cô Tô ở phía tây nam thành phố Tô Châu tỉnh Giang Tô.
 Lý Bạch có bài thơ “Tô Đài Giám Cổ” là chỉ nơi này.

Hàn Vương Tín

韓王信

Hàn Vương Tín (? – 196 t CN) là chư hầu vương thời đầu nhà Tây Hán, thứ tôn của Hàn Tương Vương thời Chiến Quốc. Trong cuộc chiến tranh cuối thời nhà Tần, Hàn Vương Tín theo Trương Lương đầu quân vào phe Lưu Bang, rồi theo Lưu Bang nhập quan.

Khi Lưu Bang quya trở về bình định Tam Tần, bổ nhiệm Hàn Vương Tín làm Hàn Thái Úy, đem quân đi chiếm đất nước Hàn.

Năm Hán Cao Đế nhị niên, tức năm 205 t CN, được phong là Hàn Vương.

Năm 202 t CN, cùng với các tướng hội hợp, ra sức diệt Hạng Vũ ở Cai Hạ (nay thuộc Linh Bích tỉnh An Huy), mới định phong là Hàn Vương, đóng đô ở Dĩnh Xuyên (nay thuộc Ngũ Huyện tỉnh Hà Nam). Năm sau thì dời đô đến Tấn Dương (nay thuộc Lâm Phần tỉnh Sơn Tây) để phòng ngự Hung Nô, nhân vì Tấn Dương xa vùng biên tái, tự thỉnh xin dời đô về Mã Ấp (nay thuộc Sóc Huyện tỉnh Sơn Tây). Khi đến Mã Ấp, Hàn Vương Tín bị Hung Nô Mạo Đồn Thiên Vu bao vây, Hàn Vương Tín sai sứ đến cầu hoà với Mạo Đồn Thiên Vu, khiến Lưu Bang nghi là nhị tâm, viết thư khiển trách. Hàn Vương Tín nhận được thư của Lưu Bang trong lòng lo sợ không yên, bèn hàng Hung Nô.

Năm 196 t CN, Hàn Vương Tín bị tướng Hán là Sài Vũ giết.

Thái Tử

太子

-Thời phong kiến, người con nào của các bậc quân chủ được dự định lên kế thừa ngôi vị thì gọi là Thái Tử.

-Dưới thời nhà Chu, người con tương thuộc đích hệ gọi là Thái Tử hoặc là Thế Tử.

-Nhà Tần chuyên theo.

-Nhà Hán, thiên tử được gọi là Hoàng Đế, nên gọi là Hoàng Thái Tử mà không gọi là Thái Tử.

-Từ nhà Minh về sau cũng gọi là Hoàng Thái Tử, duy con của Thân Vương thì gọi là Thế Tử

Sách tham khảo.

-*Sử Ký của Tư Mã Thiên do Trung Hoa Thư Cục ấn hành*

-*Sử Ký-Văn bạch đối chiếu*

-*Sử Ký Từ Điển*

-*Trung Quốc Đại Bách Khoa Toàn Thư*

- Nam Việt Quốc Sử Tích Nghiên Thảo Hội Luận Văn Tuyên Tập**
- Trung Quốc Đế Vương Phổ**
- Đại Việt Sử Ký Toàn Thư.**